



Trình Gửi Dự Thảo Ngân Sách Năm Tài Khóa 2026

Bob Schneider

Giám đốc Điều hành

Philip Parella, Jr

Giám đốc Tài chính

Mục Lục

1. Ngân Sách Vận hành Dự Kiến Năm tài khóa 2026 của PRTC	2
2. Ngân Sách Vốn Dự Kiến Năm tài khóa 2026 của PRTC	3
3. Ngân Sách Vận hành Sáu Năm của Tất Cả Các Khu Vực Pháp Lý	4
4. Ngân Sách Vốn Sáu Năm của Tất Cả Các Khu Vực Pháp Lý	5
5. Các Phương Án Cân Đối Ngân Sách	6
Quảng cáo trên xe buýt	
Giá vé địa phương	
Các phương án cắt giảm chi phí dịch vụ	
6. Quận Prince William	9
Dự báo sử dụng trợ cấp sáu năm	
Dự báo thuế nhiên liệu vận tải	
7. Thành phố Manassas	10
Dự báo sử dụng trợ cấp sáu năm	
Dự báo thuế nhiên liệu vận tải	
8. City of Manassas Park	11
Dự báo sử dụng trợ cấp sáu năm	
Dự báo thuế nhiên liệu vận tải	
9. Stafford County	12
Dự báo sử dụng trợ cấp sáu năm	
Dự báo thuế nhiên liệu vận tải	
10. City of Fredericksburg	13
Dự báo sử dụng trợ cấp sáu năm	
Dự báo thuế nhiên liệu vận tải	
11. Spotsylvania County	14
Dự báo sử dụng trợ cấp sáu năm	
Dự báo thuế nhiên liệu vận tải	

1. Ngân Sách Vận hành Năm Tài Khóa 2026 của PRTC

Kế hoạch vận hành đề xuất duy trì các dịch vụ đã được phê duyệt trong ngân sách năm tài khóa 2025, cho phép OmniRide cung cấp sự ổn định cho khách hàng. Các tuyến xe dành cho người đi làm đến Warrenton và Front Royal được thiết kế để kết nối với các tuyến hiện có ở phía tây Quận Prince William, tạo ra hiệu quả vận hành giúp tài trợ cho việc khôi phục lại chín chuyến xe trên các tuyến ở Lake Ridge và Gainesville. Tính nhất quán của kế hoạch này cũng cho phép OmniRide tiếp tục triển khai các dịch vụ địa phương đã được tái cấu trúc từ năm ngoái, vốn đã dẫn đến sự gia tăng số lượng hành khách địa phương.

Doanh Thu	Năm tài khóa 2025	Thay đổi So với Ngân sách Trước	Năm tài khóa 2026
Doanh Thu Từ Hành Khách	\$9,722,200	(\$1,272,600)	\$8,449,600
Các Khoản Trợ Cấp Liên Bang	\$7,378,100	\$456,900	\$7,835,000
Các Khoản Trợ Cấp Bang	\$20,165,800	(\$1,707,500)	\$18,458,300
Trợ Cấp từ Các Khu Vực Pháp Lý			
Quận Prince William	\$27,524,100	\$714,000	\$28,238,100
Thành phố Manassas	\$735,500	(\$23,200)	\$712,300
Thành phố Manassas Park	\$383,700	(\$14,600)	\$369,100
Quận Stafford	\$127,100	(\$900)	\$126,200
Thành phố Fredericksburg	\$29,200	(\$6,000)	\$23,200
Quận Spotsylvania	\$166,800	(\$23,700)	\$143,100
Khác	\$284,900	\$3,100	\$288,000
Tổng Doanh Thu Vận hành	\$66,517,400	-\$1,874,500	\$64,642,900

Chi Phí Vận hành	Năm tài khóa 2025	Thay đổi So với Ngân sách Trước	Năm tài khóa 2025
Lương bổng	\$5,851,700	\$268,600	\$6,120,300
Phúc Lợi	\$2,651,400	\$33,300	\$2,684,700
Dịch Vụ Chuyên Môn	\$2,619,000	\$96,300	\$2,715,300
Bảo Trì Phần Mềm	\$782,600	\$51,500	\$834,100
Bảo Trì Cơ Sở Vật Chất	\$1,693,400	\$11,900	\$1,705,300
Hợp Đồng Dịch Vụ Xe Buýt	\$43,540,300	(\$2,908,900)	\$40,631,400
Quảng Cáo/In Ấn	\$1,084,000	\$130,800	\$1,214,800
Tiện Ích và Truyền Thông	\$875,400	\$11,100	\$886,500
Các Dịch Vụ và Vật Tư Khác	\$1,246,700	\$57,000	\$1,303,700
Chương Trình Vanpool (Đi chung xe)	\$1,516,000	\$0	\$1,516,000
Nhiên Liệu	\$4,656,900	\$373,900	\$5,030,800
Tổng Chi Phí Vận hành	\$66,517,400	(\$1,874,500)	\$64,642,900

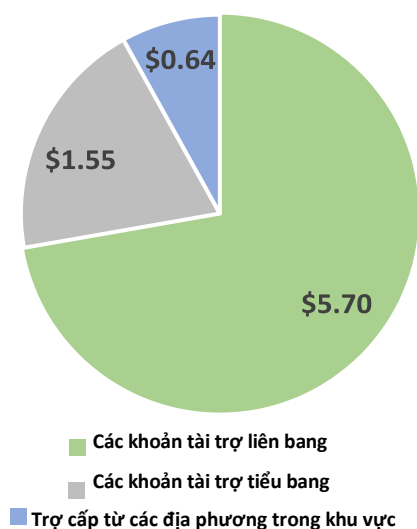
2. Ngân Sách Vốn PRTC Cho Năm Tài Khóa 2026

Kế hoạch vốn đề xuất trị giá 7.9 triệu đô la là mức chi tiêu điển hình của OmniRide. Chúng tôi sẽ mua xe mới, thay thế các thành phần công nghệ thông tin cần thiết và thực hiện bảo trì cơ sở vật chất. Kế hoạch vốn này đã được tài trợ và bao gồm việc mua 5 xe buýt đường dài mới, 3 xe buýt địa phương và 1 xe van được sử dụng cho cả dịch vụ paratransit (vận chuyển đặc biệt) và microtransit (vận chuyển linh hoạt quy mô nhỏ). Việc giảm so với năm tài khóa 2025 phản ánh chu kỳ thay thế đội xe.

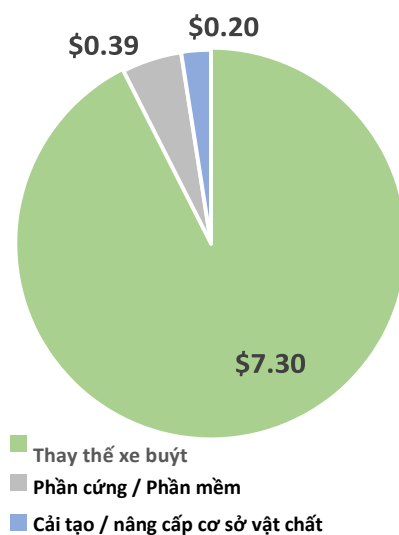
Vốn Doanh thu	Năm Tài Khóa 2026
Các khoản tài trợ liên bang	\$5,700,000
Các khoản tài trợ tiểu bang	\$1,553,500
Trợ cấp từ các địa phương trong khu vực	\$635,900
Tổng Vốn Doanh thu	\$7,889,400

Vốn Chi phí	FY2026
Thay thế xe buýt	\$7,300,000
Phần cứng / Phần mềm	\$394,000
Cải tạo / nâng cấp cơ sở vật chất	\$195,400
Tổng Vốn Chi phí	\$7,889,400

Nguồn tài trợ vốn (triệu đô)



Các dự án vốn (triệu đô)



3. Ngân Sách Vận hành Sáu Năm Cho Tất Cả Các Khu Vực Pháp Lý

Dự báo ngân sách vận hành sáu năm của OmniRide

Doanh thu Vận hành	FY2026 (Dự thảo)	FY2027	FY2028	FY2029	FY2030	FY2031
Doanh thu từ vé	\$8,449,600	\$8,703,100	\$8,964,200	\$9,233,100	\$9,510,100	\$9,795,400
Các khoản tài trợ liên bang	\$7,835,000	\$8,075,400	\$8,323,200	\$8,578,800	\$8,842,300	\$9,114,100
Các khoản tài trợ tiểu bang	\$18,458,300	\$19,158,700	\$19,887,900	\$20,646,300	\$21,435,600	\$22,257,100
Trợ cấp từ các địa phương	\$29,612,000	\$30,792,800	\$32,022,900	\$33,305,600	\$34,643,000	\$36,036,800
<i>Quận Prince William</i>	<i>\$28,238,100</i>	<i>\$29,366,900</i>	<i>\$30,543,700</i>	<i>\$31,770,500</i>	<i>\$33,048,800</i>	<i>\$34,382,100</i>
<i>Thành phố Manassas</i>	<i>\$712,300</i>	<i>\$736,800</i>	<i>\$761,800</i>	<i>\$788,100</i>	<i>\$815,400</i>	<i>\$843,700</i>
<i>Thành phố Manassas Park</i>	<i>\$369,100</i>	<i>\$381,800</i>	<i>\$395,000</i>	<i>\$408,200</i>	<i>\$423,200</i>	<i>\$437,700</i>
<i>Quận Stafford</i>	<i>\$126,200</i>	<i>\$132,600</i>	<i>\$139,100</i>	<i>\$146,200</i>	<i>\$153,300</i>	<i>\$161,000</i>
<i>Thành phố Fredericksburg</i>	<i>\$23,200</i>	<i>\$24,400</i>	<i>\$25,600</i>	<i>\$27,000</i>	<i>\$28,300</i>	<i>\$29,700</i>
<i>Quận Spotsylvania</i>	<i>\$143,100</i>	<i>\$150,300</i>	<i>\$157,700</i>	<i>\$165,600</i>	<i>\$174,000</i>	<i>\$182,600</i>
Khác	\$288,000	\$302,400	\$317,500	\$333,400	\$350,100	\$367,600
Tổng Doanh thu Vận hành	\$64,642,900	\$67,032,400	\$69,515,700	\$72,097,200	\$74,781,100	\$77,571,000

Chi phí Vận hành	FY2026 (Dự thảo)	FY2027	FY2028	FY2029	FY2030	FY2031
Lương nhân viên	\$6,120,300	\$6,426,400	\$6,747,700	\$7,085,100	\$7,439,400	\$7,811,300
Phúc lợi	\$2,684,700	\$2,818,900	\$2,959,800	\$3,107,800	\$3,263,200	\$3,426,300
Dịch vụ chuyên môn	\$2,715,300	\$2,851,100	\$2,993,600	\$3,143,300	\$3,300,500	\$3,465,500
Bảo trì phần mềm	\$834,100	\$875,900	\$919,700	\$965,700	\$1,014,100	\$1,064,800
Bảo trì cơ sở vật chất	\$1,705,300	\$1,790,600	\$1,880,100	\$1,974,100	\$2,072,800	\$2,176,400
Hợp đồng dịch vụ xe buýt	\$40,631,400	\$41,850,400	\$43,105,900	\$44,399,000	\$45,730,900	\$47,102,800
Quảng cáo/In ấn	\$1,214,800	\$1,275,600	\$1,339,300	\$1,406,300	\$1,476,600	\$1,550,500
Tiện ích	\$886,500	\$930,800	\$977,400	\$1,026,300	\$1,077,600	\$1,131,500
Dịch vụ và vật tư	\$1,303,700	\$1,368,900	\$1,437,400	\$1,509,300	\$1,584,800	\$1,663,900
Dịch vụ VanPool	\$1,516,000	\$1,561,500	\$1,608,400	\$1,656,600	\$1,706,300	\$1,757,400
Nhiên liệu	\$5,030,800	\$5,282,300	\$5,546,400	\$5,823,700	\$6,114,900	\$6,420,600
Tổng Chi phí Vận hành	\$64,642,900	\$67,032,400	\$69,515,700	\$72,097,200	\$74,781,100	\$77,571,000

4. Ngân Sách Vốn Sáu Năm Cho Tất Cả Các Khu Vực Pháp Lý

Dự báo ngân sách vốn sáu năm của OmniRide

Vốn Doanh thu	FY2026 (Dự thảo)	FY2027	FY2028	FY2029	FY2030	FY2031
Các khoản tài trợ liên bang	\$5,700,000	\$5,843,600	\$3,747,600	\$5,756,000	\$5,900,000	\$5,900,000
Các khoản tài trợ tiểu bang	\$1,553,500	\$1,386,000	\$862,000	\$1,364,100	\$1,400,200	\$1,400,200
Trợ cấp từ các địa phương	\$635,900	\$693,800	\$724,900	\$757,400	\$791,600	\$827,400
<i>Quận Prince William</i>	<i>\$591,700</i>	<i>\$629,000</i>	<i>\$663,100</i>	<i>\$688,100</i>	<i>\$719,300</i>	<i>\$752,300</i>
<i>Thành phố Manassas</i>	<i>\$11,500</i>	<i>\$23,800</i>	<i>\$20,200</i>	<i>\$24,800</i>	<i>\$25,600</i>	<i>\$26,300</i>
<i>Thành phố Manassas Park</i>	<i>\$6,100</i>	<i>\$12,500</i>	<i>\$10,600</i>	<i>\$13,000</i>	<i>\$13,500</i>	<i>\$13,800</i>
<i>Quận Stafford</i>	<i>\$11,500</i>	<i>\$12,300</i>	<i>\$13,400</i>	<i>\$13,600</i>	<i>\$14,300</i>	<i>\$15,100</i>
<i>Thành phố Fredericksburg</i>	<i>\$2,100</i>	<i>\$2,300</i>	<i>\$2,500</i>	<i>\$2,500</i>	<i>\$2,600</i>	<i>\$2,800</i>
<i>Quận Spotsylvania</i>	<i>\$13,000</i>	<i>\$13,900</i>	<i>\$15,100</i>	<i>\$15,400</i>	<i>\$16,300</i>	<i>\$17,100</i>
Tổng Vốn Doanh thu	\$7,889,400	\$7,923,400	\$5,334,500	\$7,877,500	\$8,091,800	\$8,127,600

Vốn Chi phí	FY2026 (Dự thảo)	FY2027	FY2028	FY2029	FY2030	FY2031
Mua sắm phương tiện	\$7,300,000	\$7,304,500	\$4,684,500	\$7,195,000	\$7,375,000	\$7,375,000
Nhà chờ xe buýt	\$25,900	\$27,200	\$28,600	\$30,000	\$31,500	\$33,100
Công nghệ thông tin	\$368,100	\$386,500	\$405,900	\$426,200	\$447,600	\$469,900
Cơ sở vật chất	\$195,400	\$205,200	\$215,500	\$226,300	\$237,700	\$249,600
Tổng Vốn Chi phí	\$7,889,400	\$7,923,400	\$5,334,500	\$7,877,500	\$8,091,800	\$8,127,600

Các dự án liên bang tham gia đề xuất cho FY2026

PRTC Bảo trì phòng ngừa xe buýt	VRE Dịch vụ nợ xe lửa
PRTC Chương trình Hỗ trợ TDM/Đi lại	VRE Quản lý Dự án và Tài trợ
PRTC Nâng cấp bảo mật	VRE Chương trình Quản lý Tài sản Cơ sở
PRTC Mua sắm xe buýt	VRE Quản lý Tài sản Thiết bị
PRTC Vận hành	VRE Lưu trữ giữa ngày tại New York Avenue
PRTC Rào chắn tài xế xe buýt	VRE Cải tiến Ga L'Enfant
FRED Bảo trì phòng ngừa xe buýt	VRE Cải tiến Ga Crystal City
FRED Vận hành FRED (Hỗ trợ khẩn cấp do đại dịch)	VRE Mở rộng Broad Run
FRED Mua sắm xe cộ	VRE Các dự án cải tiến Ga Brooke và Leeland
FRED Dự án bảo mật và cấp quang	VRE Camera và Nâng cấp bảo mật
FRED Bảo trì HVAC	VRE Cải tiến Ga Washington Union
FRED Hệ thống điều khiển HVAC	VRE Cải tiến Ga Franconia-Springfield
VRE Vận hành và (Hỗ trợ khẩn cấp do đại dịch)	VRE Phục hồi Ga Fredericksburg

5. Các Lựa chọn Cân Đối Ngân Sách

Quảng cáo trên xe buýt

Quảng cáo trên xe buýt không được bao gồm trong ngân sách đề xuất. Dự báo doanh thu từ quảng cáo xe buýt giả định sẽ tăng 35% so với thỏa thuận trước đó, diễn ra vào năm tài khóa 2021. Ủy ban đã thảo luận về các vấn đề khác nhau như loại hình quảng cáo được phép, quyền sửa đổi thứ nhất, và tác động đến thương hiệu OmniRide.

Quảng cáo	FY2021	FY2026 dự kiến
Hóa đơn thanh toán	\$275,975	\$375,000
Chi phí	\$88,312	\$120,000
Chia sẻ doanh thu (68%)	\$187,663	\$255,000

Giá vé địa phương

Giá vé địa phương không được bao gồm trong ngân sách đề xuất. Dưới đây là ước tính chi phí và doanh thu kỳ vọng nếu chúng ta áp dụng giá vé nội địa. Ước tính này đã tính đến việc giảm lượng hành khách đi lại khi giá vé tăng, việc sử dụng chương trình nửa giá vé của liên bang, và việc giảm nguồn tài trợ từ bang do mất hành khách. Ủy ban đã thảo luận về khả năng ảnh hưởng của điều này đến ngân sách của các sở giao thông vận tải cấp quận/thành phố.

Loại doanh thu	Giá vé	Doanh thu ước tính
Tuyến địa phương	\$2	\$1,020,000
Dịch vụ linh hoạt	\$3	\$61,200
Dịch vụ hỗ trợ	\$1	\$10,200
Tài trợ theo công thức từ bang		(\$500,000)
Tổng cộng		\$591,400

Chi phí	Số lượng nhân sự tương đương toàn thời gian (FTE)	Tổng cộng
Counting Clerks	2	\$130,000
Kỹ thuật viên bảo trì hệ thống ITS	2	\$187,200
Dịch vụ xe bọc thép		\$125,000
Linh kiện hộp vé		\$25,000
Tổng cộng		\$467,200

Ước Tính Doanh Thu Bổ Sung	\$124,200
-----------------------------------	------------------

Các lựa chọn giảm chi phí dịch vụ

Ủy ban đã được cung cấp một phân tích về mức tiết kiệm cho các địa phương nếu việc cắt giảm dịch vụ được áp dụng để cân đối ngân sách. Tương tự với quy trình trong chu kỳ ngân sách năm tài khóa 2025, các tuyến được phân thành ba nhóm:

- Dịch vụ đi làm được tài trợ 100% bằng ngân sách liên bang/tài trợ: Không mang lại tiết kiệm cho địa phương nếu bị cắt giảm
- Dịch vụ địa phương được tài trợ 100% từ ngân sách địa phương: Là dịch vụ thiết yếu đối với người dân không có phương tiện thay thế
- Dịch vụ đi làm được tài trợ bởi cả địa phương và tiểu bang

Ba bảng dưới đây sẽ trình bày chi phí từng tuyến theo nguồn tài trợ (địa phương hoặc tài trợ) để giúp đưa ra quyết định tiết kiệm chi phí khi cần thiết. Lưu ý rằng chi phí được thể hiện là chi phí ròng, đã trừ doanh thu từ vé và chi phí nhiên liệu.

Các tuyến đi làm được tài trợ 100% từ nguồn tài trợ liên bang: Không tiết kiệm ngân sách địa phương nếu bị cắt giảm

Tuyến	Số hành khách mỗi chuyến	Tài trợ địa phương	Tài trợ từ ngân sách	Tổng cộng
622 - Haymarket/Rosslyn/Ballston	20	\$0	\$339,000	\$339,000
Xe Bus Mục tiêu Quan trọng	Khi cần thiết	\$0	\$498,000	\$498,000
612 - Gainesville-Pentagon (Tuyến tốc hành)	25	\$0	\$704,200	\$704,200
541-South Stafford-DC	13	\$0	\$863,600	\$863,600
942 - Stafford Pentagon	18	\$0	\$889,900	\$889,900
943 - Stafford Washington DC L'enfant	19	\$0	\$895,200	\$895,200
611 -F-Front Royal-Gainesville-Washington	Mới	\$0	\$1,032,800	\$1,032,800
932-Falmouth-Pentagon-Rosslyn-Ballston	12	\$0	\$1,369,200	\$1,369,200
923-Spotsylvania-Pentagon-Navy Yard	19	\$0	\$1,296,600	\$1,296,600
612-W - Warrenton-Gainesville-Pentagon (Tuyến tốc hành)	Mới	\$0	\$1,390,500	\$1,390,500
Tổng cộng		\$0	\$9,279,000	\$9,279,000

Dịch vụ nội địa được tài trợ 100% từ ngân sách địa phương: Dịch vụ thiết yếu, không có phương án thay thế.

Tuyến	Số hành khách mỗi chuyến	Tài trợ địa phương	Tài trợ từ ngân sách	Tổng cộng
52 – Tuyến 1 OmniLink	25	\$1,793,200	\$295,800	\$2,089,000
51 - Dumfries Địa phương	8	\$1,023,600	\$0	\$1,023,600
53 - Dumfries Kết nối Địa phương	30	\$1,497,400	\$0	\$1,497,400
65 - Manassas Bắc	15	\$1,329,100	\$0	\$1,329,100
67 - Manassas Nam	11	\$795,200	\$0	\$795,200
91 - Dale City Địa phương	24	\$1,571,800	\$0	\$1,571,800
92 - Lake Ridge Địa phương	16	\$1,566,000	\$0	\$1,566,000
93 - Woodbridge Địa phương	18	\$1,623,900	\$0	\$1,623,900
94 - Lake Ridge Kết nối Địa phương	13	\$936,800	\$0	\$936,800
Dịch vụ vận chuyển cho người khuyết tật	Theo yêu cầu	\$1,846,500	\$0	\$1,846,500
Dịch vụ vận chuyển linh hoạt	Theo yêu cầu	\$1,625,200	\$0	\$1,625,200
Tổng cộng		\$15,608,700	\$295,800	\$15,904,500

Dịch vụ xe buýt đi lại được tài trợ từ ngân sách địa phương và tiểu bang

Tuyến	Số hành khách mỗi chuyến	Tài trợ địa phương	Tài trợ từ ngân sách	Tổng cộng
971 - Dale City Washington DC Tốc hành	21	\$601,800	\$330,800	\$932,600
60 - Manassas Metro Tốc hành	16	\$993,300	\$424,700	\$1,418,000
972 - Dale City Pentagon Rosslyn Tốc hành	15	\$1,250,300	\$251,700	\$1,502,000
952 - Montclair-Pentagon Tốc hành	22	\$683,600	\$125,300	\$808,900
95 - Prince William Metro Tốc hành	36	\$1,512,400	\$272,300	\$1,784,700
563 - Dale City Navy Yard Tốc hành	15	\$603,000	\$102,400	\$705,400
981- Lake Ridge Washington Tốc hành	16	\$950,000	\$39,600	\$989,600
611 - Gainesville-Washington DC Tốc hành	30	\$800,700	\$0	\$800,700
96 - East-West Tốc hành	12	\$1,071,900	\$0	\$1,071,900
953 - Montclair-Washington DC Tốc hành	17	\$1,201,600	\$0	\$1,201,600
Tổng cộng		\$9,668,600	\$1,546,800	\$11,215,400

6. Quận Prince William

Dự Báo Sử Dụng Trợ Cấp Trong Sáu Năm

Quận Prince William	FY2026 Đề xuất	FY2027 Đề xuất	FY2028 Đề xuất	FY2029 Đề xuất	FY2030 Đề xuất	FY2031 Đề xuất
Trợ cấp hành chính	\$327,400	\$343,800	\$360,700	\$379,000	\$398,100	\$417,400
Tiếp thị	\$2,357,600	\$2,475,200	\$2,598,400	\$2,727,800	\$2,863,900	\$3,006,500
OmniRide Tốc hành	\$8,201,300	\$8,617,500	\$9,054,400	\$9,513,500	\$9,995,700	\$10,502,300
OmniRide Địa phương	\$12,538,200	\$12,959,700	\$13,395,900	\$13,847,600	\$14,315,600	\$14,800,100
OmniRide Linh hoạt	\$2,692,600	\$2,773,800	\$2,857,700	\$2,944,100	\$3,033,000	\$3,124,500
Chương trình xe chung (Vanpool)	\$2,121,000	\$2,197,100	\$2,276,100	\$2,358,000	\$2,443,200	\$2,531,500
PRTC Trợ cấp vận hành	\$28,238,100	\$29,367,100	\$30,543,200	\$31,770,000	\$33,049,500	\$34,382,300
PRTC Trợ cấp vốn	\$591,700	\$629,100	\$663,200	\$688,100	\$719,300	\$752,300
Dự báo Tổng Trợ cấp	\$28,829,800	\$29,996,200	\$31,206,400	\$32,458,100	\$33,768,800	\$35,134,600

Dự Báo Thuế Nhiên Liệu Động Cơ

Dự báo – Quận Prince William	FY2026	FY2027	FY2028	FY2029	FY2030	FY2031
Số dư thuế nhiên liệu	\$1,675,276					
Thu thuế nhiên liệu	\$17,581,500	\$17,490,800	\$17,671,500	\$17,762,600	\$17,831,200	\$17,991,800
Quỹ khác	\$0					
PRTC Nhu cầu vận hành	\$28,238,100	\$29,367,100	\$30,543,200	\$31,770,000	\$33,049,500	\$34,382,300
Nhu cầu đối ứng vốn	\$591,700	\$629,100	\$663,200	\$688,100	\$719,300	\$752,300
Tổng nhu cầu PRTC	\$28,829,800	\$29,996,200	\$31,206,400	\$32,458,100	\$33,768,800	\$35,134,600
Chưa được tài trợ	(\$9,573,024)	(\$12,505,400)	(\$13,534,900)	(\$14,695,500)	(\$15,937,600)	(\$17,142,800)
Thay đổi trong thu ngân sách thuế nhiên liệu		-0.52%	1.03%	0.52%	0.39%	0.90%
Thay đổi trong yêu cầu trợ cấp		4.05%	4.03%	4.01%	4.04%	4.04%

7. Thành phố Manassas

Dự Báo Sử Dụng Trợ Cấp Trong Sáu Năm

Thành phố Manassas	FY2026 Đề xuất	FY2027 Đề xuất	FY2028 Đề xuất	FY2029 Đề xuất	FY2030 Đề xuất	FY2031 Đề xuất
Trợ cấp hành chính	\$21,200	\$22,400	\$23,200	\$24,400	\$25,700	\$27,200
Tiếp thị	\$41,600	\$43,600	\$45,800	\$48,100	\$50,500	\$53,000
OmniRide Tốc hành	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
OmniRide Địa phương	\$459,700	\$475,300	\$491,400	\$508,100	\$525,400	\$543,200
OmniRide Linh hoạt	\$189,800	\$195,500	\$201,400	\$207,500	\$213,800	\$220,300
Chương trình xe chung (Vanpool)	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
PRTC Trợ cấp vận hành	\$712,300	\$736,800	\$761,800	\$788,100	\$815,400	\$843,700
PRTC Trợ cấp vốn	\$11,500	\$23,800	\$20,200	\$24,800	\$25,600	\$26,300
Dự báo Tổng Trợ cấp	\$723,800	\$760,600	\$782,000	\$812,900	\$841,000	\$870,000

Dự Báo Thuế Nhiên Liệu Động Cơ

Dự báo – Thành phố Manassas	FY2026	FY2027	FY2028	FY2029	FY2030	FY2031
Số dư thuế nhiên liệu	\$2,657,980	\$2,252,000	\$1,867,643	\$1,429,815	\$966,987	\$432,791
Thu thuế nhiên liệu	\$317,820	\$376,243	\$344,172	\$350,072	\$306,804	\$317,104
Quỹ khác	\$712,300	\$736,800	\$761,800	\$788,100	\$815,400	\$843,700
PRTC Nhu cầu vận hành	\$11,500	\$23,800	\$20,200	\$24,800	\$25,600	\$26,300
Nhu cầu đối ứng vốn	\$723,800	\$760,600	\$782,000	\$812,900	\$841,000	\$870,000
Tổng nhu cầu PRTC	\$2,252,000	\$1,867,643	\$1,429,815	\$966,987	\$432,791	(\$120,105)

Thay đổi trong thu ngân sách thuế nhiên liệu		18.38%	-8.52%	1.71%	-12.36%	3.36%
Thay đổi trong yêu cầu trợ cấp PRTC		5.08%	2.81%	3.95%	3.46%	3.45%
VRE Trợ cấp vận hành	\$752,457	\$752,457	\$796,128	\$796,128	\$843,896	\$843,896

Lưu ý: Giả định rằng trợ cấp VRE sẽ được cấp từ thuế nhiên liệu động cơ.

8. Thành phố Manassas Park

Dự Báo Sử Dụng Trợ Cấp Trong Sáu Năm

Thành phố Manassas Park	FY2026 Đề xuất	FY2027 Đề xuất	FY2028 Đề xuất	FY2029 Đề xuất	FY2030 Đề xuất	FY2031 Đề xuất
Trợ cấp hành chính	\$13,100	\$13,600	\$14,400	\$14,700	\$16,300	\$17,000
Tiếp thị	\$21,400	\$22,500	\$23,600	\$24,800	\$26,000	\$27,300
OmniRide Tốc hành	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
OmniRide Địa phương	\$236,900	\$244,900	\$253,200	\$261,800	\$270,700	\$279,900
OmniRide Linh hoạt	\$97,700	\$100,800	\$103,800	\$106,900	\$110,200	\$113,500
Chương trình xe chung (Vanpool)	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
PRTC Trợ cấp vận hành	\$369,100	\$381,800	\$395,000	\$408,200	\$423,200	\$437,700
PRTC Trợ cấp vốn	\$6,100	\$12,500	\$10,600	\$13,000	\$13,500	\$13,800
Dự báo Tổng Trợ cấp	\$375,200	\$394,300	\$405,600	\$421,200	\$436,700	\$451,500

Dự Báo Thuế Nhiên Liệu Động Cơ

Dự báo – Thành phố Manassas Park	FY2026	FY2027	FY2028	FY2029	FY2030	FY2031
Số dư thuế nhiên liệu	\$2,826,347	\$2,670,971	\$2,492,895	\$2,290,577	\$2,076,259	\$1,819,072
Thu thuế nhiên liệu	\$219,824	\$216,224	\$203,282	\$206,882	\$179,513	\$185,913
PRTC Nhu cầu vận hành	\$369,100	\$381,800	\$395,000	\$408,200	\$423,200	\$437,700
Nhu cầu đối ứng vốn	\$6,100	\$12,500	\$10,600	\$13,000	\$13,500	\$13,800
Tổng nhu cầu PRTC	\$375,200	\$394,300	\$405,600	\$421,200	\$436,700	\$451,500
Số dư thuế nhiên liệu (chưa được tài trợ)	\$2,670,971	\$2,492,895	\$2,290,577	\$2,076,259	\$1,819,072	\$1,553,485

Thay đổi trong thu ngân sách thuế nhiên liệu	-1.64%	-5.99%	1.77%	-13.23%	3.57%
Thay đổi trong yêu cầu trợ cấp PRTC	5.09%	2.87%	3.85%	3.68%	3.39%

9. Quận Stafford County

Dự Báo Sử Dụng Trợ Cấp Trong Sáu Năm

Quận Stafford	FY2026 Đề xuất	FY2027 Đề xuất	FY2028 Đề xuất	FY2029 Đề xuất	FY2030 Đề xuất	FY2031 Đề xuất
Trợ cấp hành chính	\$126,200	\$132,600	\$139,100	\$146,200	\$153,300	\$161,000
Tiếp thị	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
OmniRide Tốc hành	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
OmniRide Địa phương	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
OmniRide Linh hoạt	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
Chương trình xe chung (Vanpool)	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
PRTC Trợ cấp vận hành	\$126,200	\$132,600	\$139,100	\$146,200	\$153,300	\$161,000
PRTC Trợ cấp vốn	\$11,500	\$12,300	\$13,400	\$13,600	\$14,300	\$15,100
Dự báo Tổng Trợ cấp	\$137,700	\$144,900	\$152,500	\$159,800	\$167,600	\$176,100

Dự Báo Thuế Nhiên Liệu Động Cơ

Dự báo – Quận Stafford	FY2026	FY2027	FY2028	FY2029	FY2030	FY2031
Số dư thuế nhiên liệu	\$9,199,454	\$13,027,235	\$16,812,816	\$20,483,161	\$24,181,406	\$27,718,494
Thu thuế nhiên liệu	\$3,960,481	\$3,925,481	\$3,817,845	\$3,853,045	\$3,699,688	\$3,761,688
PRTC Nhu cầu vận hành	\$126,200	\$132,600	\$139,100	\$146,200	\$153,300	\$161,000
Nhu cầu đối ứng vốn	\$11,500	\$12,300	\$13,400	\$13,600	\$14,300	\$15,100
Tổng nhu cầu PRTC	\$137,700	\$144,900	\$152,500	\$159,800	\$167,600	\$176,100
Số dư thuế nhiên liệu (chưa được tài trợ)	\$13,022,235	\$16,807,816	\$20,478,161	\$24,176,406	\$27,713,494	\$31,304,082

Thay đổi trong thu ngân sách thuế nhiên liệu	-0.88%	-2.74%	0.92%	-3.98%	1.68%
Thay đổi trong yêu cầu trợ cấp PRTC	5.23%	5.24%	4.79%	4.88%	5.07%

10. Thành phố Fredericksburg

Dự Báo Sử Dụng Trợ Cấp Trong Sáu Năm

Thành phố Fredericksburg	FY2026 Đề xuất	FY2027 Đề xuất	FY2028 Đề xuất	FY2029 Đề xuất	FY2030 Đề xuất	FY2031 Đề xuất
Trợ cấp hành chính	\$23,200	\$24,400	\$25,600	\$27,000	\$28,300	\$29,700
Tiếp thị	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
OmniRide Tốc hành	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
OmniRide Địa phương	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
OmniRide Linh hoạt	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
Chương trình xe chung (Vanpool)	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
PRTC Trợ cấp vận hành	\$23,200	\$24,400	\$25,600	\$27,000	\$28,300	\$29,700
PRTC Trợ cấp vốn	\$2,100	\$2,300	\$2,500	\$2,500	\$2,600	\$2,800
Dự báo Tổng Trợ cấp	\$25,300	\$26,700	\$28,100	\$29,500	\$30,900	\$32,500

Dự Báo Thuế Nhiên Liệu Động Cơ

Dự báo - Fredericksburg	FY2026	FY2027	FY2028	FY2029	FY2030	FY2031
Số dư thuế nhiên liệu	\$2,017,506	\$2,558,649	\$3,091,992	\$3,604,867	\$4,122,842	\$4,601,578
Thu thuế nhiên liệu	\$566,443	\$560,043	\$540,975	\$547,475	\$509,636	\$520,936
PRTC Nhu cầu vận hành	\$23,200	\$24,400	\$25,600	\$27,000	\$28,300	\$29,700
Nhu cầu đối ứng vốn	\$2,100	\$2,300	\$2,500	\$2,500	\$2,600	\$2,800
Tổng nhu cầu PRTC	\$25,300	\$26,700	\$28,100	\$29,500	\$30,900	\$32,500
Số dư thuế nhiên liệu (chưa được tài trợ)	\$2,558,649	\$3,091,992	\$3,604,867	\$4,122,842	\$4,601,578	\$5,090,014

Thay đổi trong thu ngân sách thuế nhiên liệu	-1.13%	-3.40%	1.20%	-6.91%	2.22%
Thay đổi trong yêu cầu trợ cấp PRTC	5.53%	5.24%	4.98%	4.75%	5.18%

11. Quận Spotsylvania

Dự Báo Sử Dụng Trợ Cấp Trong Sáu Năm

Quận Spotsylvania	FY2026 Đề xuất	FY2027 Đề xuất	FY2028 Đề xuất	FY2029 Đề xuất	FY2030 Đề xuất	FY2031 Đề xuất
Trợ cấp hành chính	\$143,100	\$150,300	\$157,700	\$165,600	\$174,000	\$182,600
Tiếp thị	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
OmniRide Tốc hành	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
OmniRide Địa phương	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
OmniRide Linh hoạt	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
Chương trình xe chung (Vanpool)	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0	\$0
PRTC Trợ cấp vận hành	\$143,100	\$150,300	\$157,700	\$165,600	\$174,000	\$182,600
PRTC Trợ cấp vốn	\$13,000	\$13,900	\$15,100	\$15,400	\$16,300	\$17,100
Dự báo Tổng Trợ cấp	\$156,100	\$164,200	\$172,800	\$181,000	\$190,300	\$199,700

Dự Báo Thuế Nhiên Liệu Động Cơ

Dự báo – Quận Spotsylvania	FY2026	FY2027	FY2028	FY2029	FY2030	FY2031
Số dư thuế nhiên liệu	\$8,250,161	\$13,121,111	\$17,944,361	\$22,688,863	\$27,464,965	\$32,093,323
Thu thuế nhiên liệu	\$5,027,050	\$4,987,450	\$4,917,302	\$4,957,102	\$4,818,658	\$4,888,858
PRTC Nhu cầu vận hành	\$143,100	\$150,300	\$157,700	\$165,600	\$174,000	\$182,600
Nhu cầu đối ứng vốn	\$13,000	\$13,900	\$15,100	\$15,400	\$16,300	\$17,100
Tổng nhu cầu PRTC	\$156,100	\$164,200	\$172,800	\$181,000	\$190,300	\$199,700
Số dư thuế nhiên liệu (chưa được tài trợ)	\$13,121,111	\$17,944,361	\$22,688,863	\$27,464,965	\$32,093,323	\$36,782,481

Thay đổi trong thu ngân sách thuế nhiên liệu	-0.79%	-1.41%	0.81%	-2.79%	1.46%
Thay đổi trong yêu cầu trợ cấp PRTC	5.19%	5.24%	4.75%	5.14%	4.94%

